

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2023

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Bà Đỗ Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36^A/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984. Có mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Công Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Khu dịch vụ C, xã L, thị xã M, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh D vào ngày 20/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, trong thời gian chung sống chị thường bị anh Đ chửi bới, xúc phạm, sử dụng bạo lực đối

với chị dẫn đến chị bị tổn thương về thể xác và tinh thần. Từ tháng 9/2022 chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Khi chị có đơn xin ly hôn với anh Đ, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Đ thường xuyên nhắn tin xúc phạm danh dự, đe dọa chị và người thân của chị. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai con chung cháu Vũ Chí D1, sinh ngày 05/5/2008 và cháu Vũ Lan H, sinh ngày 02/3/2013. Từ thời điểm chị về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống, cháu D1 do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Lan Hương do còn nhỏ nên chị đưa cháu đi cùng, hiện cháu H vẫn do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của các con chung: khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Lan H; giao cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Chí D1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp anh Đ không nhận nuôi cháu D1, thì chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tạo dựng được các tài sản chung gồm: 01 nhà hai tầng, có diện tích 150m²/1sàn nằm trên hai thửa đất số 216, 217, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 180m², địa chỉ: Khu dịch vụ C, xã L, thị xã M và 01 thửa số 217 (lô 39), tờ bản đồ số 13 diện tích 90m², địa chỉ: Khu dịch vụ C, xã L, thị xã M. Cả ba thửa đất đều đứng tên hai vợ chồng là Vũ Công Đ và Phạm Thị T. Chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Anh Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Đ trình bày:

Về điều kiện kết hôn về con chung anh Đ xác định như chị T trình bày. Về quan hệ vợ chồng anh Đ xác định: Giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến không có tiếng nói chung, đôi lúc nóng giận vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã. Từ giữa năm 2022, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ của chị T sinh sống, từ đó mỗi người một nơi, sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở, anh có đến gặp chị T để động viên vợ chồng về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên chị T không đồng ý. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định việc tình cảm vợ chồng chỉ là một phần, hiện vợ chồng đã có hai con chung nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Về nuôi dưỡng con chung: Chị T xin được nuôi dưỡng con chung Vũ Lan H thì

anh cũng đồng ý. Đối với cháu D1 hiện đang ở cùng với anh nên anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Chí D1.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Vũ Công Đ, tuy nhiên anh Đ chỉ có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị T và anh Đ, cụ thể như sau:

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị An (mẹ đẻ anh Đ) thì được bà An cung cấp:

Anh Đ kết hôn với chị T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký tại UBND xã L vào ngày 20/7/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh Đ chung sống cùng vợ chồng bà được khoảng 02 năm thì làm nhà và ra ở riêng tại khu dịch vụ C, xã L, thị xã M, tỉnh D. Trong quá trình chung sống, bà được biết vợ chồng chị T, anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung. Từ tháng 8/2022, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T sinh sống, vợ chồng mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Hiện bà đang ở cùng anh Đ và cháu D1 tại nhà riêng của vợ chồng anh Đ, chị T. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh Đ, chị T về đoàn tụ với nhau. Trường hợp chị T cương quyết xin ly hôn với anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị T, anh Đ có hai con chung là cháu Vũ Chí D1, sinh ngày 05/5/2008 và cháu Vũ Lan H, sinh ngày 02/3/2013, hiện cháu D1 đang ở cùng anh Đ, cháu H đang ở cùng chị T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đ, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa **chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đ, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa chị T, anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn. Thực tế chị T, anh Đ sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều**

tháng nay không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: Theo nguyện vọng của các con chung và thực tế về chỗ ở hiện nay: Giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Lan H, sinh ngày 02/3/2013; Giao cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu cháu Vũ Chí D1, sinh ngày 05/5/2008. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 01/2023 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T, anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Công Đ.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Vũ Công Đ cư trú tại xã L, thị xã M, tỉnh D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D. Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh D vào ngày 20/7/2007 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập thì thấy về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên là không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh Đ kéo

dài, mỗi người sống một nơi từ nhiều tháng nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Đ, thông báo hòa giải tuy nhiên tại phiên hòa giải do mâu thuẫn vợ chồng, cả hai đều không có tiếng nói chung, anh Đ tự ý bỏ về không hợp tác trong việc hòa giải. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là cháu Vũ Chí D1, sinh ngày 05/5/2008 và cháu Vũ Lan H, sinh ngày 02/3/2013. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Vũ Lan H. Anh Đ xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Vũ Chí D1. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị T, anh Đ thì thấy: Kể từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, con chung cháu Vũ Lan H do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T chứng minh về công việc, thu nhập ổn định cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung hiện nay được đảm bảo. Đối với cháu Vũ Chí D1 hiện đang ở với anh Đ và đang học tại trường THCS xã L. Nguyên vọng của cháu H xin được ở với mẹ là chị Phạm Thị T, nguyên vọng của cháu D1 xin được ở với bố là anh Vũ Công Đ. Về điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung của anh Đ, chị T đều được đảm bảo. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần thiết giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Lan H, giao cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Chí D1 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng với chị.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 nhà hai tầng, có diện tích khoảng 150m²/sàn nằm trên hai thửa đất số 216, 217, tờ bản đồ số 13, có tổng diện tích 180m², địa chỉ: Khu dịch vụ C, xã L, thị xã M và 01 thửa số 217 (lô 39), tờ bản đồ số 13 diện tích 90m², địa chỉ: Khu dịch vụ C, xã L, thị xã M. Nguyên đơn chị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu

cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Điều 51, 56; 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Vũ Công Đ.

- *Về nuôi dưỡng con chung:* Giao cho chị Phạm Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Lan H, sinh ngày 02/3/2013. Giao cho anh Vũ Công Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Chí D1, sinh ngày 05/5/2008. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 01/2023 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T, anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau.

2. Về chia tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Công Đ.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh D theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001493 ngày 16/11/2022. chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn số tiền 14.250.000đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001493 ngày 16/11/2022.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã M;
- Chi cục thi hành án DS thị xã M;
- UBND xã L, thị xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh